

Số: 417/QĐ-CQLTT

Kon Tum, ngày 31 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2021**  
**của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kon Tum**

**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH KON TUM**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 3681/QĐ-BCT ngày 11/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kon Tum trực thuộc Tổng Cục Quản lý thị trường;*

*Căn cứ Quyết định số 2339/QĐ-TCQLTT ngày 31/12/2020 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kon Tum (chi tiết kèm theo phụ lục).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Thanh tra – Pháp chế, Trưởng phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp, Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường trực thuộc Cục Quản lý thị trường Kon Tum, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng cục QLTT (để báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Website Cục;
- Lưu: VT, TCHC.

**Q. CỤC TRƯỞNG**



**Lê Tuấn**



**ĐƠN VỊ: CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH KON TUM**  
**CHƯƠNG: 016**

**PHỤ LỤC GIAO DỰ TOÁN NHÀ NƯỚC NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số: *AMT* /QĐ-TCQLTT ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Kon Tum

*DVT: triệu đồng*

| TT        | Nội dung   | Dự toán được giao |
|-----------|--|-------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>                               |                   |
| <b>1</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>  |                   |
|           | Học phí, lệ phí  |                   |
| <b>2</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại</b>                                  |                   |
|           | Học phí, lệ phí  |                   |
| <b>3</b>  | <b>Số phí, lệ phí nộp NSNN</b>   |                   |
| <b>II</b> | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước. Trong đó</b>                                  | <b>7,732</b>      |
| 1         | Kinh phí thực hiện tự chủ  | 5,480             |
| 2         | Kinh phí thực hiện không tự chủ  | 2,252             |
|           | <b>Chi tiết theo loại chi</b>  |                   |
| <b>1</b>  | <b>Chi Quản lý nhà nước: Loại 340-341</b>  | <b>7,732</b>      |
| 1.1       | Kinh phí thực hiện tự chủ  | 5,480             |
| 1.2       | Kinh phí thực hiện không tự chủ, trong đó:                                       | 2,252             |
|           | <i>Chi khác theo đặc thù ngành, Lương Lao động Hợp đồng</i>                      | 193               |
|           | <i>Mua sắm tài sản cố định (Mua sắm tập trung, Trang phục, TS khác...)</i>       |                   |
|           | <i>Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính</i>                                       |                   |
|           | <i>Kinh phí Hỗ trợ chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả</i>             | 1,109             |
|           | <i>Ban chỉ đạo 389</i>   |                   |
|           | <i>Kinh phí cài tạo, sửa chữa cơ sở vật chất (Trụ sở làm việc Đội QLTT số 1)</i> | 950               |